**CHỦ ĐỀ 1: DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI VIỆT NAM (tt)**

**BÀI 3:**

**PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Mật độ dân số và phân bố dân cư:**

***1. Mật độ dân số:***

Nước ta có MĐDS tăng và thuộc loại cao trên thế giới: 290 người/km2 ( 1/4/2019).

***2. Phân bố dân cư:***

+ Phân bố không đồng đều:

- Tập trung đông đúc ở đồng bằng, ven biển và các đô thị.

- Thưa thớt ở miền núi, cao nguyên.

+ Chủ yếu ở nông thôn ( 65% ở nông thôn năm 2017 ).

**II. Các loại hình quần cư:**

***1. Quần cư nông thôn:***

+ Dân cư tập trung thành các điểm dân cư có tên gọi khác nhau giữa các vùng, miền, dân tộc.

+ Hiện đang có nhiều thay đổi cùng với quá trình CNH, HĐH.

***2. Quần cư thành thị:***

+ Nhà cửa san sát, kiểu nhà hình ống khá phổ biến.

+ Là các trung tâm KT, CT, KH- KT ...

+ Phân bố tập trung ở đồng bằng và ven biển.

**III. Đô thị hoá:**

+ Quá trình đô thị hóa gắn liền với CNH.

+ Số dân đô thị tăng, quy mô đô thị được mở rộng, lối sống thành thị ngày càng phổ biến.

+Trình độ đô thị hoá còn thấp. Phần lớn đô thị thuộc loại vừa và nhỏ.

1. ****GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI:****

*****Bài tập 1 trang 14 SGK:*****

*****Dựa vào hình 3.1, hãy trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta.*****

*****Trả lời:*****

Dân cư nước ta phân bố không đều.

- Dân cư tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng, ven biển và các đô thị, vì những nơi này có nhiều thuận lợi về điều kiện sống (địa hình, đất đai, nguồn nước, giao thông, trình độ phát triển kinh tế,...).

- Dân cư thưa thớt ở miền núi, vì ở đây có nhiều khó khăn cho cư trú và sinh hoạt (địa hình dốc, giao thông khó khăn,...).

*****Bài tập 2 trang 14 SGK:*****

*****Nêu đặc điểm của các loại hình quần cư ở nước ta.*****

*****Trả lời:*****

- Quần cư nông thôn:

+ Tên gọi điểm quần cư: Làng, ấp (người Kinh); bản (người Tày, Thái, Mường,...); buôn, plây (các dân tộc ở Trường Sơn, Tây Nguyên); phum, sóc (người Khơ-me).

+ Các điểm quần cư phân bố trải rộng theo lãnh thổ.

+ Cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, diện mạo làng quê đang có nhiều thay đổi.

- Quần cư thành thị:

+ Ở nhiều đô thị, kiểu "nhà ống" san sát.

+ Ở các thành phố lớn, những chung cư cao tầng được xây dựng ngày càng nhiều.

+ Có nhiều kiểu nhà biệt thự, nhà vườn,...

*****Bài tập 3 trang 14 SGK:*****

*****Quan sát bảng 3.2 trang 14 SGK (Mật độ dân số của các vùng lãnh thổ) nêu nhận xét về sự phân bố dân cư và sự thay đổi mật độ dân số ở các vùng của nước ta.*****

*****Trả lời:*****

- Sự phân bố dân cư nước ta không đều giữa các vùng:

+ Vùng có mật độ dân số cao nhất là Đồng bằng sông Hồng, vùng có mật độ dân số thấp nhất là Tây Bắc. Chênh lệch giữa vùng cao nhất với thấp nhất đến 17,8 lần.

+ Các vùng có mật độ dân số cao hơn trung bình của cả nước là: Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ. Các vùng còn lại đều có mật độ dân số thấp hơn mức trung bình của cả nước, trong đó thấp hơn cả là Tây Bắc, tiếp đến là Tây Nguyên.

- Sự thay đổi mật độ dân số của các vùng: Từ năm 1989 đến 2003, mật độ dân số các vùng đều tăng, đặc biệt ở Tây Nguyên tăng gấp đôi.

….…………………………………………………………………………………………

**BÀI 4:**

**LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM. CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**

**I. Nguồn lao động và sử dụng lao động:**

***1. Nguồn lao động:***

- Dồi dào và tăng nhanh.

- Bình quân mỗi năm tăng thêm hơn 1 triệu lao động.

- Phần lớn lao động của nước ta phân bố ở nông thôn.

- Ưu điểm và hạn chế: SGK

- Chất lượng nguồn lao động của nước ta chưa cao, song ngày càng được cải thiện và nâng cao dần.

\* Để nâng cao chất lượng nguồn lao động cần đầu tư cho GD-ĐT, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề…

***2. Sử dụng lao động:***

Cơ cấu sử dụng LĐ của nước ta đang có sự thay đổi theo hướng tích cực:

- Trong các ngành kinh tế :

+ LĐ trong khu vực Nông-Lâm-Ngư đang ↓ ,

+ LĐ trong khu vực CN- DV đang ↑.

- Trong các thành thành phần kinh tế:

+ Nhà nước : giảm nhanh

+ Ngoài nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài: tăng nhanh

**II. Vấn đề việc làm:**

- Nguồn lao động dồi dào trong điều kiện nền kinh tế nước ta chưa phát triển đã tạo nên sức ép rất lớn đến việc làm.

- Ở nước ta tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn và thất nghiệp ở thành thị khá phổ biến.

- Hướng giải quyết việc làm:

+ Phân bố lại dân cư&lao động giữa các vùng.

+ Đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn

+ Phát triển HĐ công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.

+ Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động…

**III. Chất lượng cuộc sống:**

***1. Thành tựu:*** Chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao dần.

***2. Hạn chế:*** Chất lượng cuộc sống của người dân còn chênh lệch giữa nông thôn, thành thị; giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.

****B. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI:****

*****Bài tập 1 trang 17 SGK:*****

*****Tại sao giải quyết việc làm là vấn đề gay gắt ở nước ta?*****

*****Trả lời:*****

Nguyên nhân - Tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn là phổ biến, tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị tương đối cao.

- Mỗi năm nước ta tăng thêm hơn 1 triệu lao động.

*****Bài tập 2 trang 17 SGK:*****

*****Chúng ta đã dạt được những thành tựu gì trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân?*****

*****Trả lời:*****

- Tỉ lệ người lớn biết chữ đạt 90,3% (năm 1999).

- Mức thu nhập bình quân trên đầu người gia tăng.

- Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

- Tuổi thọ bình quân tăng.

- Tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm, nhiều dịch bệnh được đẩy lùi.…

*****Bài tập 3 trang 17 SGK:*****

*****Dựa vào bảng số liệu trang 17 SGK (bảng 4.1. Cơ cấu sử dụng lao động theo thành phần kinh tế), nêu nhận xét về sự thay đổi trong sử dụng lao động theo các thành phần kinh tế ở nước ta và ý nghĩa của sự thay đổi đó.*****

*****Trả lời:*****

- Lao động ở khu vực Nhà nước qua các năm đều nhỏ hơn nhiều so với lao động ở các khu vực kinh tế khác (ngoài Nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài).

- Trong giai đoạn 1985 - 2002, lao động ở khu vực Nhà nước giảm, lao động ở các khu vực kinh tế khác tăng.

- Sự thay đổi đó thể hiện nền kinh tế nước ta đang chuyển sang thị trường và hội nhập với thế giới.

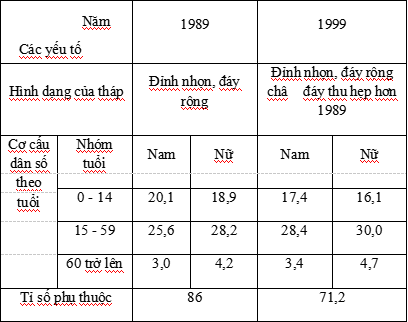
….…………………………………………………………………………………………

**BÀI 5:**

**THỰC HÀNH:**

**PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ NĂM 1989 VÀ NĂM 1999**

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN: (Bài học)**
2. **Bài tập 1: So sánh hình dạng 2 tháp dân số năm 1989 và năm 1999:**



- Cơ cấu dân số có sự thay đổi từ năm 1989 - 1999:

+ Theo độ tuổi : Dân số trẻ nhưng đang có sự thay đổi : Tỉ lệ trẻ em giảm, tỉ lệ người trong tuổi lao động và trên tuổi lao động tăng.

+ Theo giới tính : Đang thay đổi và có sự khác nhau giữa các địa phương

1. **Bài tập 2: Nhận xét và giải thích**

- Nhận xét: Sau 10 năm ( 1989 - 1999):

+ Tỉ lệ nhóm dưới tuổi lao động (0-14) tuổi giảm.

+ Nhóm tuổi lao động (15-59) và trên tuổi lao động (60+) tăng.

- Giải thích: Nguyên nhân là do thực hiện tốt kế hoạch hoá dân số và nâng cao chất lượng cuộc sống.

1. **Bài tập 3: Thuận lợi và khó khăn**

- Thuận lợi:

+Cung cấp nguồn lao động dồi dào.

+ Thị trường tiêu thụ mạnh.

- Khó khăn:

+ Gây sức ép lớn đến vấn đề giải quyết viêc làm.

+ Tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, nhu cầu giáo dục, y tế nhà ở... cũng căng thẳng.

- Biện pháp khắc phục:

+ Có kế hoạch giáo dục đào tạo hợp lý, tổ chức hướng nghiệp dạy nghề.

+ Phân bố lại lực lượng lao động theo ngành và theo lãnh thổ.

+ Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa.

….……………………………………………………………………………………….

**Dặn dò:**

**- Về nhà học bài 3, 4 và 5.**

**- Làm các câu hỏi và bài tập ở cuối bài.**

**- Đọc trước bài 6,7 và 8: chuẩn bị các câu hỏi in chữ nghiêng ở giữa bài.**